

**SENSE OF ORIGIN AND PLACE
IN DEEP FRAGRANT OF MOTHER-
LAND'S GREEN RICE
BY NGUYEN THAM THIEN KE**

Dang Thi Bich Hong

Faculty of Vietnamese Studies, Hanoi National
University of Education, Hanoi City, Vietnam

Corresponding author Dang Thi Bich Hong,
e-mail: dangbichhong@hnue.edu.vn

Received December 4, 2023.

Revised January 5, 2024.

Accepted February 1, 2024.

**CẢM THỨC VỀ CỘI NGUỒN
VÀ NƠI CHÓN TRONG
DẶM NGÀN HƯƠNG CỎM MẸ
CỦA NGUYỄN THAM THIỆN KẾ**

Đặng Thị Bích Hồng

Khoa Việt Nam học, Trường Đại học Sư phạm
Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đặng Thị Bích Hồng,
e-mail: dangbichhong@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 4/12/2023.

Ngày sửa bài: 5/1/2024.

Ngày nhận đăng: 1/2/2024.

Abstract. In this article, we read *Deep Fragrant of Mother-land's Green Rice* by Nguyen Tham Thien Ke to analyse how the writer created a sense of origin and place belonging through a strategy called cultural reterritorialization. This strategy, as Donelle N. Dreese presented, involves recuperating the land by recalling past landscapes and telling stories about its cultural identity. This article will clarify this characteristic by linking the writer's descriptions of homeland in Nguyen Tham Thien Ke's work with Dreese's theory about the sense of origin and place. In *Deep Fragrant of Mother-land's Green Rice*, this sense links to the geoculture space of *Northern Vietnam*. The writer restores the source of oral traditions and stories about the history of the land, especially the culinary and architectural culture. The sense of place and origin is a way for the writer to find connection between himself and the surrounding environment.

Keywords: Nguyen Tham Thien Ke, *Deep Fragrant of Mother-land's Green Rice*, the sense of origin, place.

Tóm tắt. Trong bài viết này, chúng tôi đọc *Dặm ngàn hương cỏm Mẹ* của Nguyễn Tham Thiện Kế để làm rõ cách nhà văn kiến tạo cảm thức về cội nguồn, nơi chón qua chiến lược tái cấu trúc lãnh thổ văn hóa. Chiến lược này, như Donelle N. Dreese đã trình bày, liên quan đến sự tuyên bố về đất đai bằng cách nhớ lại cảnh quan trong quá khứ và kể câu chuyện về đặc trưng văn hóa của nó. Bài viết sẽ liên kết những mô tả của Nguyễn Tham Thiện Kế về không gian quê nhà với những mô tả của Dreese về cảm thức cội nguồn và nơi chón. Trong *Dặm ngàn hương cỏm Mẹ*, cảm thức này gắn với không gian địa - văn hóa vùng Bắc Bộ. Qua trang viết, nhà văn phục dựng mạch nguồn truyện kể dân gian và những câu chuyện về lịch sử vùng đất, đặc biệt là dấu ấn văn hóa ẩm thực, kiến trúc. Cảm thức về cội nguồn, nơi chón trong tập tùy bút này là con đường giúp nhà văn tìm thấy sự kết nối với chính mình và với môi trường xung quanh.

Từ khóa: Nguyễn Tham Thiện Kế, *Dặm ngàn hương cỏm Mẹ*, cảm thức cội nguồn, nơi chón.

1. Mở đầu

Nguyễn Tham Thiện Kế qua hơn 40 năm cầm bút sáng tác đã và đang đóng góp cho đời sống văn chương Việt nhiều tác phẩm văn xuôi giá trị. Ghi dấu ấn trên văn đàn với những tác phẩm truyện ngắn vừa truyền thống, vừa hiện đại, vừa hiện thực, vừa huyền ảo, Nguyễn Tham Thiện Kế đồng thời định vị văn cách độc đáo của mình ở những trang tùy bút, du kí đầy uyên bác, tài hoa. Tập tùy bút *Dặm ngàn hương cỏm Mẹ* được xuất bản năm 2011 bởi NXB Phụ nữ, gồm 25

tùy bút xoay quanh “vùng văn hóa Bắc Bộ mà không gian lõi thuộc về dải đất trung du con Lạc cháu Hồng và xứ kinh kì ngàn năm văn hiến” [1;206]. Cuốn sách này cùng với những tác phẩm tùy bút, tản văn, hồi kí, phóng sự của Hoàng Phủ Ngọc Tường, Bằng Sơn, Đỗ Chu, Nguyễn Quang Thiều, Đỗ Phấn, Phan Thị Vàng Anh, Nguyễn Việt Hà, Nguyễn Ngọc Tư, Đỗ Bích Thúy, Đỗ Doãn Hoàng... đã làm nên sự phát triển nở rộ của thể kí trong bức tranh văn học Việt Nam nửa cuối thế kỉ XX, nửa đầu thế kỉ XXI. Các nhà nghiên cứu như Đỗ Ngọc Thống [2], Nguyễn Chí Hoan [3], Nguyễn Đức Hạnh [4] đã tiếp cận cuốn tùy bút của Nguyễn Tham Thiện Kế như một trường hợp điển hình của nỗ lực hồi sinh những kí ức văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

Trong bài viết này, chúng tôi đọc tập tùy bút *Dặm ngàn hương cốm Mẹ* của Nguyễn Tham Thiện Kế để làm rõ cách nhà văn kiến tạo cảm thức về cội nguồn, nơi chốn qua chiến lược tái cấu trúc lãnh thổ văn hóa. Chiến lược này được Donelle Dreese trình bày hệ thống trong cuốn sách *Phê bình sinh thái: kiến tạo bản thân, nơi chốn trong môi trường và văn học Mĩ bản địa* [5]. Nó bao gồm sự hồi tưởng về cảnh quan trong quá khứ và kể những câu chuyện về đặc trưng văn hóa vùng đất. Theo Dreese, cảm xúc về quê hương bắt đầu từ một kí ức, một tâm thế hoài cổ “liên quan đến tất cả các giác quan và/ hoặc hồi tưởng lại các chi tiết của nơi chốn trong tâm trí” [5;23]. Dreese đồng thời bàn luận về nơi chốn trong sự tương tác của những không gian và cảm xúc đối lập nhau: bên trong/ bên ngoài, quê hương/ tha hương, bản thân/ phi bản thân. Lí thuyết mà Dreese đề xuất sau đó đã được vận dụng trong nhiều công trình nghiên cứu học thuật về văn chương như: *The Measure of Our Care: The Politics of Place and Animal Presence in Contemporary North American Narrative* của Ella Soper-Jones (Luận án tiến sĩ, Đại học Toronto, Canada, 2007) [6]; *Studying Native North American Literature: Nature/ Land Relationships and Native (Ojibwe) Ecologue in Louise Erdrich’s Birchbark House Series* của Tiina Wikström (Luận án tiến sĩ, Đại học Helsinki, Phần Lan, 2020) [7], “Resuming Gynocratic Principles: Cultural Reterritorialization of Native Traditions in Linda Hogan’s Fiction” của Xiaofang Sun (*English Language and Literature Studies*; Published by Canadian Center of Science and Education, Vol. 11, No. 4; 2021) [8]... Ở Việt Nam hiện nay, vấn đề tái cấu trúc lãnh thổ văn hóa chưa được sử dụng như một lí thuyết công cụ để tiếp cận các tác phẩm văn học, tuy nhiên, thuật ngữ do Dreese đề xuất đã bắt đầu hiện diện trong nghiên cứu văn học thời gian gần đây. Trong bài viết “Chuyến du hành giữa Miền Rừng và Phố Thị: Hình ảnh sinh thái trong *Những giấc mơ màu hạt dẻ* của Hoàng A Sáng”, tác giả Nguyễn Thị Diệu Linh có liên hệ tản văn của Hoàng A Sáng với một kiểu giải lãnh thổ trong lí thuyết của Dreese. Tác giả nhận định: Sống ở Phố Thị và mơ về Miền Rừng là tâm thái thường xuyên của tác giả, và từ một góc độ nào đó, có thể được coi như một kiểu giải lãnh thổ [9]. Sự liên hệ này hé lộ khả năng vận dụng lí thuyết của Dreese vào việc đọc văn học Việt Nam, trong đó có tập tùy bút của Nguyễn Tham Thiện Kế.

Cảm thức về cội nguồn, nơi chốn, theo Dreese, bao gồm các bình diện “văn hóa, ngôn ngữ, lịch sử, hệ thống tín ngưỡng, thực tiễn xã hội và những ảnh hưởng khác đến sự phát triển của con người” [10;4]. Nhà nghiên cứu sinh thái học này nhấn mạnh: yếu tố môi trường ảnh hưởng đến con người về mặt thể chất, tinh cảm và tinh thần; tất cả mọi người đều phát triển cảm xúc về nơi chốn đồng thời nuôi dưỡng tình yêu đối với nơi mà họ gọi là “nhà” [10]. “Nhà” không chỉ là không gian trải nghiệm toàn diện – nơi hội tụ cảnh vật, ánh sáng, âm thanh, các mối quan hệ trong cộng đồng mà còn được hình dung như một không gian tâm lí – nơi con người tìm được cảm giác mình thuộc về chốn đó, được chấp nhận, được yêu thương, được tự do. Từ việc đọc *Dặm ngàn hương cốm Mẹ*, bài viết này sẽ liên kết những mô tả của Nguyễn Tham Thiện Kế về không gian quê nhà với những mô tả của Dreese về cảm thức cội nguồn và nơi chốn.

2. Nội dung nghiên cứu

Dặm ngàn hương cốm Mẹ có sự trở đi trở lại chủ đề mái nhà và đất mẹ. Tập sách trở thành nơi quy tụ nhiều câu chuyện lịch sử địa phương, lưu dấu nhiều cảnh quan ruộng, vườn, giếng nước, bến sông, ngõ nhỏ... Không gian vùng văn hóa Bắc Bộ hiện diện qua những tên đất, tên

làng với ranh giới địa lí rõ ràng và cấu trúc vật lí đặc thù. Đó là miền bán sơn địa mang tên mường Cự Thắng - một không gian từng rất đổi trong lành với nhiều cây xanh và những sản vật thiên nhiên độc đáo, nơi nhà văn “lầm lũi lớn lên cùng vị đắng ngấm rễ xoan của dong riềng ngô khoai trồng dưới bóng xoan” [11;264]; là không gian thủ đô linh khí, hào hoa với sóng nước Tây hồ bằng lăng khói sương, với những ngôi nhà cổ, những ngõ phố của tình yêu... Cảm thức về nơi chốn, về không gian nguồn cội chính là con đường giúp nhà văn tìm thấy sự kết nối với chính mình và với môi trường xung quanh.

2.1. Không gian văn hóa truyền thống từ mạch nguồn truyện kể dân gian

Trong *Phê bình sinh thái*, Dreese lưu ý quá trình tái cấu trúc lãnh thổ liên quan đến việc “các nhà văn phục dựng những câu chuyện, nơi chốn trong quá khứ và viết lại chúng để khẳng định bản sắc, từ đó thiết lập cảm thức về nơi chốn cũng như về chính bản thân mình” [5;24]. Những câu chuyện được lưu giữ trong cộng đồng chính là bộ phận chuyển tải phần lớn lịch sử bất thành văn của nền văn hóa dân gian. *Viết Dặm ngàn hương cốm Mẹ*, Nguyễn Tham Thiện Kế đã văn bản hóa nhiều truyện kể dân gian vốn được truyền miệng từ đời này sang đời khác qua hàng ngàn năm.

Đọc “Ngàn dâu chẳng vị một cây”, độc giả gặp lại câu chuyện về sợi tơ vàng gắn với đời sống của cộng đồng tiểu thủ công nghiệp vùng châu thổ sông Hồng. Truyện kể rằng: “khi xưa công chúa Thiều Hoa gọi con bướm tằm là ngài, gọi thứ vải dệt từ tơ tằm là lụa. Là con gái vua Hùng hiền thực, nhưng nàng không chịu lấy chồng. Công chúa biết tiếng chim và bướm. Nhờ một lần nói chuyện với bướm nâu nên Nàng mới biết bướm nâu chỉ ăn một thứ lá dâu để đẻ ra trứng, rồi trứng nở thành sâu, nhả sợi tơ vàng...” [11;31]. Dreese nhấn mạnh: sự hiện diện của văn hóa truyền miệng chính là cơ sở để xác định cội nguồn bản sắc của một cộng đồng [5;8]. Trong “Ngàn dâu chẳng vị một cây”, câu chuyện liên quan đến vị tổ nghề ngành tơ tằm xứ Việt: công chúa Thiều Hoa từ thời Hùng Vương dựng nước. Chuyện được truyền miệng qua hàng nghìn năm và được Nguyễn Tham Thiện Kế ghi lại trong tập tùy bút cho thấy, hoạt động tiểu thủ công nghiệp mà cụ thể là kĩ thuật ươm tơ dệt vải đã xuất hiện rất sớm, từ thời kì nhà nước cổ đại đầu tiên của Việt Nam. Điều này tương ứng với các kết quả nghiên cứu về lịch sử làng nghề Việt. Dệt vải được xếp vào một trong những nghề nổi tiếng và lâu đời nhất, tạo nên nét đặc sắc của quá trình phát triển tiền tư bản phương Đông ở Việt Nam (Nhà nghiên cứu Văn hóa Trương Minh Hằng cho rằng, nghề dệt vải cùng với các nghề khác như đúc đồng, làm giấy, làm gốm, chạm gỗ, chạm khắc đồ kim loại là những nghề nổi tiếng nhất và lâu đời nhất ở Việt Nam. Các làng nghề chiếu Nga Sơn, gạch Bát Tràng, vải tơ Nam Định, lụa hàng Hà Đông từng được xem như là những huyền thoại thực sự. Làng nghề “có phạm vi hoạt động rộng lớn, có truyền thống lâu đời và để lại cho đời sau những sản phẩm quý giá” [12, tr.60] và quan trọng hơn, nó “hàm chứa, lưu giữ và nuôi dưỡng truyền thống văn hóa một cách cụ thể, đậm nét và bền vững nhất” [12, tr.60]). Ở các cộng đồng tiểu thủ công nghiệp như làng nghề tơ lụa, người dân “lưu truyền bằng văn bản hoặc truyền khẩu các giai thoại, truyền thuyết, huyền tích... nhằm ghi nhận công tích, bày tỏ lòng biết ơn, rồi trải qua thời gian, dần dần “thiên hóa” vị tổ nghề” [12;61]. Đó được xem là một giá trị của văn hóa nghề.

Trong tác phẩm của Nguyễn Tham Thiện Kế, Di giữ vai trò truyền khẩu “giai thoại” về “công tích” đặc biệt của công chúa Thiều Hoa - vị tổ nghề tơ lụa. Dù khoảng cách thời gian cách nhau hàng nghìn năm nhưng có sự kết nối đặc biệt giữa hai người con gái này. Về tính cách, họ đều là những người phụ nữ hiền hậu đảm đang: công chúa Thiều Hoa “hiền thực”; Di một tay cày đáng “nửa mẫu dâu và ba mươi nong tằm” [11;24]. Về con đường tình duyên, họ đều không kết hôn: công chúa Thiều Hoa “không chịu lấy chồng” [11;31]; Di “quá hăm ba chẳng chịu lấy chồng” [11;24]. Về nghiệp tằm tang, họ cùng sở hữu những năng lực đặc biệt: công chúa Thiều Hoa có khả năng lắng nghe tiếng nói của loài chim, bướm và do đó, biết được bí quyết “bướm nâu chỉ ăn một thứ lá dâu để đẻ ra trứng, rồi trứng nở thành sâu, nhả sợi tơ vàng” [11;31]; Di nắm vững kĩ thuật trồng dâu chăn tằm mà dệt nên những tấm lụa “không nhàu, càng mặc cũ càng đẹp, càng cũ càng mềm óng ả” [11;39]. Trong phạm vi nghề nghiệp này, nếu công chúa Thiều Hoa là tổ nghề thì Di là người nối nghề một cách hoàn hảo. Công chúa Thiều Hoa có năng lực thần kì giao tiếp

với thế giới tự nhiên và Di là người nắm giữ những câu chuyện thiêng về tiền nhân. Qua sự mô tả của Nguyễn Tham Thiện Kế, phụ nữ vừa là người sáng tạo văn hóa, vừa là người kế thừa di sản văn hóa cũng như bảo đảm sự nối tiếp tinh hoa văn hóa của cộng đồng đến thế hệ sau.

Nhìn rộng ra, xu hướng coi trọng vị thế, tiếng nói của người phụ nữ không phải là trường hợp riêng có ở Việt Nam. Sự vận hành đời sống theo nguyên tắc của nữ giới cũng phổ biến ở nhiều quốc gia Đông Nam Á. Nói về vấn đề này, Anthony Reid cho rằng: “Phụ nữ có các chức năng khác với nam giới, liên quan đến hoạt động cấy lúa, thu hoạch lúa, dệt vải và tiếp thị. Vai trò sinh sản của phụ nữ cũng mang lại cho họ sức mạnh ma thuật và nghi lễ mà đàn ông khó đạt tới được” [13;629]. Những chức năng đặc thù gắn với tính chất công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, khéo léo và gắn với thiên chức sinh nở đem lại sức mạnh riêng cho nữ giới. Họ kiến tạo luật của nữ giới trong xã hội Đông Nam Á thời kì tiền thuộc địa ở nhiều lĩnh vực: hôn nhân, kinh doanh, ngoại giao, quân sự, văn học và nghệ thuật [13]. Điều này phản ánh tính độc lập về văn hóa tại các quốc gia Đông Nam Á trong việc kháng cự sự đồng hóa của văn hóa ngoại lai theo mô hình nam giới thống trị. Cộng hưởng với xu thế chung đó, tác phẩm của Nguyễn Tham Thiện Kế, nói theo cách của Pulitano, cũng là “một câu chuyện phản ánh thế giới quan của các cộng đồng tiền phụ hệ, nơi phụ nữ là trung tâm của sự hòa hợp, cân bằng và thịnh vượng trong bộ tộc” [14;36]. Câu chuyện truyền miệng được đưa vào tùy bút Nguyễn Tham Thiện Kế thể hiện tinh thần coi trọng vị thế, tiếng nói của người phụ nữ, là sự nối dài truyền thống văn hóa bản địa, thách thức với cấu trúc văn hóa gia trưởng dĩ nam vi trung. Đó là cách nhà văn tái lãnh thổ hóa huyền thoại trên bình diện phục dựng truyền thống trọng mẫu vốn là giá trị văn hóa bản địa từ thời kì cổ sơ của lịch sử Việt Nam.

Thể hiện thông điệp lưu giữ những giá trị văn hóa truyền thống của cộng đồng, giai thoại về công chúa Thiều Hoa được nhắc tới trong một bối cảnh hiện thực đầy biến động: công việc trồng dâu nuôi tằm truyền thống đã dần bị lãng quên trước cơn bão công nghiệp hóa. Nguyễn Tham Thiện Kế viết: “Các làng nghề dệt lụa xứ Đông, xứ Đoài chuyển sang dệt gia công khấn mặt, mà tuyen, bít tất cho quân đội. Lụa không được khuyến khích tiêu dùng” [11;39]. Điều này đồng nghĩa với việc giai thoại về vị tổ nghề sẽ ngày càng ít được cộng đồng truyền kể. Nguy cơ mai một những giá trị văn hóa truyền thống được phản ánh trong không ít tác phẩm của các nhà văn thời kì này. Nguyễn Quang Thiều trong tản văn *Có một kẻ rời bỏ thành phố* đã mô tả những biến động của làng quê: “Nhưng bây giờ, đầm sen làng tôi không còn sen nữa. Người ta đã cho đầu trâu đầm sen. Những người thả trâu của nhiều năm nay đã tát cạn đầm để đào hết sen không sót một góc nào. Họ lấy đầm sen nuôi cá bằng thức ăn công nghiệp” [15;143]. Song hành với sự biến mất của một đầm sen là sự biến mất của một không gian văn hóa. Cũng như thế trong *Dặm ngàn hương cốm Mẹ*, sự mai một của làng nghề dệt lụa kéo theo sự lãng quên những câu chuyện thiêng trong đời sống tinh thần của cộng đồng thôn dân. Kháng cự nguy cơ đứt gãy văn hóa ấy, Nguyễn Tham Thiện Kế đưa câu chuyện dân gian vào tùy bút. Đó là cách để nhà văn phục dựng những cảnh quan tinh thần ở Việt Nam trong tình huống xã hội đang đối mặt với quá nhiều thay đổi.

2.2. Lịch sử vùng đất qua kí ức ẩm thực và kiến trúc

Một điểm nổi bật trong không gian cội nguồn mà Nguyễn Tham Thiện Kế đưa vào tập tùy bút là sự phong phú của ẩm thực đồng quê. *Dặm ngàn hương cốm mẹ* mở ra muôn ngàn chiều kích những đặc sản quê hương, mộc mạc, dân dã mà không kém phần tỉ mỉ, kì công. Đó là kí ức về bát canh thiên lí nấu nước hầm gà, về bát canh lá sắn nấu cua đồng, về đĩa sung muối xối với thịt ba chỉ trong la đà rượu nếp cái hoa vàng. Những thức ngon vật quý của đời đất trung du được tái dựng hoàn hảo trong tác phẩm, có khi là những quý phẩm cao lương từng xếp vào hàng sản vật tiến vua như cá Anh Vũ, hồng Hạc Trì, có khi là những món ăn dân dã, đời thường mà vẫn vẫn vít mỉ vị như bánh sắn cuộn, cọ bầu trộn gạo nếp đồ xôi. Đặc biệt, xu hướng ẩm thực của người dân Bắc Bộ kết tinh nét đặc sắc trong truyền thống ẩm thực của cộng đồng văn minh lúa nước: biến tấu gạo trong sự nâng niu gạo. Nguyễn Tham Thiện Kế ghi lại những cách thức khác nhau mà người Việt chế tác món ăn từ gạo. Đó là cốm (trong “Vấn hỏi lòng mình là hương cốm”),

xôi (trong “Cọ ngàn xưa thổi động”), bánh khúc (trong “Tôi khóc những cánh đồng rau khúc”), bún (trong “Nghĩ lễ bún chả”)... Chủ đề ẩm thực trong tác phẩm Nguyễn Tham Thiện Kế xác lập cảm xúc về nơi chốn, thể hiện sự gắn bó, nâng niu những vật phẩm bình dị, thân thuộc, độc đáo của quê hương. Dreese cho rằng: để biết mình là ai, trước hết chúng ta cần biết mình đang thuộc về nơi nào. Tùý bút của Nguyễn Tham Thiện Kế đã hé lộ: nơi chốn mà nhà văn cảm thấy mình thuộc về chính là vùng đất Bắc Bộ với đa dạng hương sắc ẩm thực bản địa.

Sự phong phú các sản vật địa phương có nguồn gốc từ một đặc điểm tự nhiên được xem là lợi thế của thổ nhưỡng, khí hậu Việt Nam, đó là sự màu mỡ của các đồng bằng châu thổ, sự linh động của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Wolters khẳng định: trên vùng đồng bằng ngập nước màu mỡ của lục địa Đông Nam Á, các vương quốc nông nghiệp lớn đã phát triển dựa trên hệ thống thâm canh lúa nước phù hợp với chu kì gió mùa [16]. Cũng vì thế, văn học Việt Nam viết nhiều về sự phong phú của các sản vật địa phương và coi đó như một yếu tố làm nên bản sắc văn hóa khu vực. Trong “Vấn hồi lòng mình là hương cốm...”, Nguyễn Tham Thiện Kế nhấn mạnh: “Thường thức cốm là tận hưởng một đặc trưng văn hóa lúa nước thuần Việt” [11;8]. Đặc trưng ấy hội tụ trong nguyên vật liệu sửa cốm, trong quy trình chế tác cốm và trong tâm thế thưởng thức cốm. Cốm được làm từ gạo nếp non được chọn lựa kĩ càng. “Đã nếp, thì nếp nào cũng làm nên cốm. Chính đáng độc tôn vẫn nếp cái hoa vàng” [11;13]. Đây là loại nếp thượng hạng, tỏa hương từ khi nhú mầm mộng mạ cho đến lúc trở thành rom khô. Thời điểm hạt lúa thích hợp nhất để ngắt về làm cốm là khi “lớp vỏ trấu xanh đậm phớt sắc tố vàng mơ... vị ngọt dịu của đường chìm xuống và hương hoa lúa vọng lên trong chất bột mát mượt” [11;14]. Các vật dụng làm cốm cũng lắm công phu, từ chiếc cối đá xanh khum miệng, chiếc chày giã cốm từ gỗ cây thị cổ đến chiếc đũa cả đảo cốm bào nạo từ ống tre đục. Quá trình làm cốm đòi hỏi người đứng bếp phải thành thực điều nhiệt, người giã cốm phải nắm bắt được thời điểm, “dập chày sớm cốm bết dính vón cục, mà nguội quá thì vỏ trấu kềm tróc” [11;16]. Và khi thưởng cốm, “chậm chậm ép hạt cốm giữa bề mặt hai hàm răng thì mới cảm nhận hết tinh khí của Trời Đất” [11;17]. Như vậy, viết về cốm, Nguyễn Tham Thiện Kế không chỉ viết về một món ăn thuần túy mà còn hiện lộ một nghi thức văn hóa trong đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân Bắc Bộ Việt Nam nói riêng, của cộng đồng nông nghiệp lúa nước nói chung.

Đảng cốm nếp cái hoa vàng được nhà văn mô tả như một chỉ báo về nơi chốn: vừa hội tụ bản sắc văn hóa cộng đồng cư dân nông nghiệp lúa nước, vừa là chứng nhân của những biến động lịch sử thời cuộc. Nói như Dreese, đó là “một cấu trúc vật lí, tâm lí, tư tưởng, lịch sử và môi trường” [5;3]. “Vấn hồi lòng mình là hương cốm” được kể trên nền bối cảnh làng quê Bắc Bộ những năm 70 của thế kỉ XX. Sự thay đổi cơ chế quản lí kinh tế ở nông thôn Việt Nam lúc bấy giờ mà ưu tiên hàng đầu là phát triển hợp tác xã nông nghiệp đã làm xáo trộn không ít nếp sinh hoạt của cộng đồng cư dân. Biến động lịch sử đó được Nguyễn Tham Thiện Kế đề cập qua một sự việc cụ thể: “Phong trào hợp tác xã hóa bùng bùng. Sửa cốm, nấu rượu bị quy là ăn thóc non, phá hoại sản xuất và lãng phí lương thực” [11;21]. Phong trào cấm cốm, cấm rượu mà Nguyễn Tham Thiện Kế nhắc tới ở đây là những trường hợp cụ thể của một chủ trương xuyên suốt trong đường lối lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thời kì này: chủ trương công hữu. Trong *Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng* tại Đại hội IV năm 1976, Đảng chủ trương miền Bắc “củng cố và hoàn thiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức toàn dân và tập thể” [17;108]. Kéo theo đó, trong nếp sinh hoạt, những tàn dư của lối sống cũ mang tính cá nhân chủ nghĩa cũng cần phải bài trừ. Sửa cốm, thưởng cốm trở thành thú ăn chơi vương giả, xa hoa. Vì thế, hội rượu cốm thường trăng của Ngoại tan rã, Mẹ ngồi xe lăn, tóc cước bay phơ vẫn nhớ mùa sửa cốm. Sau này, cốm trở lại là một biểu tượng ẩm thực Việt, và thực tế, sản phẩm ngọc thực này vẫn như một đại sứ tinh thần nhắc nhở người Việt về quê hương nguồn cội. Như Nguyễn Tham Thiện Kế khẳng định: “Chỉ cần mang một bụi cốm trong tâm thức, người Việt dù lưu lạc bất kì tọa độ nào của thế giới, thì chẳng khác sẽ là ngày trở lại đang chờ” [11;22]. Sự trở lại đầy kiêu hãnh của cốm trên bản đồ tinh hoa ẩm thực Việt, mặc dù vậy, không bồi lấp được những khoảng trống tinh thần: niềm xa xót trước sự tan rã hội rượu cốm của Ngoại, sự ngậm ngùi trước

nổi khắc khoải nhớ cốm của Mẹ. Kí ức về Ngoại, về Mẹ quy chiếu đến khái niệm mà Dreese đã luận bàn: Nhà/ Gia đình. Gia đình không chỉ bao gồm những người thân trong quá khứ và hiện tại mà còn bao gồm cả những sinh vật không phải con người, những linh hồn, những đấng bậc siêu nhiên và thế giới động thực vật. Phơi trải cảm xúc về “những người thân” và về cả những thực thể “không phải con người”, Nguyễn Tham Thiện Kế đồng thời nhận ra chính bản thể mình: người một đời thiết tha với cốm hương.

Cùng với câu chuyện về ẩm thực, *Dặm ngàn hương cốm Mẹ* thấm đẫm cảm thức về nơi chốn qua những tùy bút mô tả không gian kiến trúc. Theo Nguyễn Tham Thiện Kế, “Kiến trúc đẹp mang lại khoái cảm văn hóa và tác động trực tiếp gu thẩm mỹ cho cộng đồng hơn bất kì loại hình nghệ thuật nào. Người ta có thể chiêm ngưỡng chúng ở mọi góc độ trong nhiều thời điểm khác nhau tạo nên sự cộng hưởng, lan tỏa như là một biện pháp giáo dục tự nhiên, nhưng thực ra là có chủ ý” [11;136]. Đọc “Trong bóng ngôi nhà cổ đã mất”, độc giả hình dung về số phận của ngôi biệt thự mang kiến trúc đặc trưng miền Nam nước Pháp được xây dựng trên khu phố cổ Hà Nội – khu phố có dáng dấp Paris thu nhỏ ở Đông Dương. Ngôi nhà cổ một mặt được kiến trúc sư vẽ kiểu Pháp, “mô phỏng được đầu tàu hơi nước với ống khói đặc trưng, nhà ga, các căn phòng phải có điểm nhấn đặc trưng toa tàu, bếp và quầy rượu thì giống như không gian buồng lái” [11;131], mặt khác được thi công từ nguồn nguyên vật liệu bản địa: “Sàn phòng, cầu thang, tay vịn lát ván lim tía Thanh Hóa, lò sưởi ốp đá hoa cương cẩm thạch [...] Gắn trăm khối gỗ lim, phải lược phôi trước khi gia công, lắp ghép. Chưa kể vô số tấn xi-măng, sắt thép, cát vàng sông Lô. Hai bè tre gia cố móng” [11;130-131]. Tòa lâu đài ấy không chỉ là một hiện hữu vật chất mà còn mang chứa những ý nghĩa tinh thần đặc biệt, được hình dung như không gian “ẩn chứa lối đi bí mật của các chú lùn, những căn phòng tối mịt mịt và ma-cà-rông, đầu lâu thủy tinh, nàng công chúa bị bùa ếm... Những lát cắt hiện hữu trong các câu chuyện của Grim, An-đec-xen và các nhà văn cổ điển Pháp” [11;130]. Một công trình kiến trúc đồng thời là di sản lưu giữ kí ức, nói như Nguyễn Tham Thiện Kế: “Soi vào các đường nét, gò, phào, hoa văn, hộp, khối từ gạch đá, gỗ ngói người ta có thể thấy hành trình lịch sử của mỗi dân tộc” [11;136]. Triết luận về giá trị của nghệ thuật kiến trúc nói chung, nhìn vào trường hợp biệt thự “hỏa xa” nói riêng, nhà văn xa xót trước sự mai một từng ngày của một cuộc chơi văn hóa. “Mũ phớt, caravate mỗi ngày mỗi nhàu, mỗi ngày mỗi bạc, chiếc can cũng long rời tay nắm [...] Những khẩu súng săn, máy hát, kiểng, can... lần lần sang tay người khác” [11;137]. Và chung cục, ngôi biệt thự “hỏa xa” bị san phẳng.

Song hành với tâm trạng hoài tiếc di sản kiến trúc là sự đau đầu về xu hướng vận hành văn hóa đương đại. Tòa biệt thự cổ cùng với chủ nhân của nó – vị kĩ sư đường sắt đam mê kiến trúc rơi vào vị thế của cái nhược tiểu trước những biến động thời thế. Như Nguyễn Tham Thiện Kế mô tả: vào những năm 70 của thế kỉ XX, ông chủ bị thu hẹp quyền sở hữu tại chính không gian mà ông gọi là “nhà”, thay vào đó là sự hiện diện của đông đảo những công nhân nhà máy đèn, lái xe, công nhân vệ sinh. Nhà nước từng ra văn bản trưng dụng tòa biệt thự làm hợp tác xã giấy nển, và sau cùng, mỗi mét vuông đất của ngôi nhà cổ được tư nhân mua lại, san phẳng để dựng khách sạn. Hình ảnh tòa biệt thự cổ bị san phẳng, thay vào đó là “một khách sạn 12 tầng ngھều ngھện nhấp nháy ánh đèn mời gọi ngủ nghỉ mát-xa” [11;138] như một dấu hiệu cho thấy sự ngưng trệ, thậm chí là đi xuống về văn hóa mà Hà Nội đã phải đối mặt. Nghịch lí tồn tại trong sự bất cân xứng về nền tảng văn hóa của các cư dân: người hiểu biết, đam mê kiến trúc và coi tòa biệt thự như một thành tố văn hóa trong bức tranh chung của di sản kiến trúc Hà thành thì bị mất dần quyền sở hữu; người thiếu tri thức về kiến trúc và coi tòa nhà chỉ thuần túy là một tài sản gắn liền với đất thì dần trở thành những ông/ bà chủ. Tác phẩm qua đó chuyển tải khao khát phục dựng một Hà Nội văn hiến đang biến mất bằng cách giữ gìn cảnh quan đất đai, tôn trọng các chủ thể và khách thể văn hóa. Chủ đề này gặp gỡ với thông điệp mà nhà văn Nguyễn Quang Thiều truyền tải trong tản văn “Những di sản sống thành Thăng Long”. Tác giả chỉ ra một thực tế là: làng hoa Ngọc Hà, ngôi làng từng được xếp vào hàng xưa cũ và hào hoa bậc nhất Hà Nội đã thay đổi nếp cũ. Nếu người Ngọc Hà xưa có khả năng “lan tỏa” và mang “phong thái thanh lịch” thì người Ngọc Hà nay cố thủ trong “pháo đài”, khép kín và cao ngạo. Xét cho cùng, đó là xu thế biến đổi

chung của Hà Nội trong “thời đại đô thị hóa ít chiến lược”. Trước tình huống ấy, nhà văn đã cố gắng phục dựng các giá trị văn hóa vùng đất. Một trong những con đường để nuôi dưỡng, phát triển truyền thống văn hóa kinh đô, đó là kế thừa tri thức, phong thái của lớp người cao tuổi mà Nguyễn Quang Thiều gọi là “những di sản sống”. Cũng như thế, tùy bút Nguyễn Tham Thiên Kế cho thấy nỗ lực của nhà văn trong việc lấy lại những giá trị bản sắc đã bị mai một của cá nhân và của cộng đồng.

3. Kết luận

Dặm ngàn hương cốm mẹ của Nguyễn Tham Thiên Kế tập trung vào các chủ đề cảm thức về địa điểm, cảnh quan và bản sắc. Cảm quan của nhà văn về nguồn cội và nơi chốn gắn với không gian địa – văn hóa vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ. Mạch nguồn truyện kể dân gian được phục dựng trong tập tùy bút liên quan đến nghi thức thiêng hóa những con người có công sáng lập nghề thủ công. Truyền thống lịch sử vùng đất đồng thời được nhà văn tái hiện qua những trang viết về đặc trưng tự nhiên, xã hội, về sự biến động lịch sử, thời cuộc, về những trầm tích văn hóa âm thực và kiến trúc... Tác phẩm trở thành thông điệp mạnh mẽ nhắc nhở tinh thần bảo lưu, gìn giữ, phát triển giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong cộng đồng để kháng cự lại tình trạng biến đổi, nguy cơ đứt gãy văn hóa dưới tác động của đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

***Ghi chú:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Sư phạm Hà Nội trong đề tài mã số SPHN23-20

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ĐTB Hồng, (2022). Kí Nguyễn Tham Thiên Kế. Trong: Hồng ĐTB, Hàng NTT đồng chủ biên. *Giáo trình văn học tỉnh Phú Thọ*; 203-218, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] ĐN Thống, (23/6/06). *Tản mạn về Dặm ngàn hương cốm mẹ của Nguyễn Tham Thiên Kế*. <https://baoxaydung.com.vn/tan-man-ve-dam-ngan-huong-com-me-cua-nguyen-tham-thien-ke-30337.html>
- [3] NC Hoan, (23/6/06). *Thượng lưu Bạch Hạc, (Độc “Dặm ngàn hương cốm Mẹ”, tập tùy bút của Nguyễn Tham Thiên Kế, Nxb Phụ nữ, 2013)*. <http://tapchivannghedatto.org.vn/tintuc.aspx?ID=1085>
- [4] ND Hạnh, (2023). Tuổi rượu cho văn. *Nhà văn & Tác phẩm*. Số 14, 11-22.
- [5] Dreese DN, (2002). *Ecocriticism: Creating Self and Place in Environmental and American Indian Literatures*. American Indian Studies. Vol 15. New York: Peter Lang Publishing.
- [6] Ella S Jones, (2007). *The Measure of Our Care: The Politics of Place and Animal Presence in Contemporary North American Narrative*, Doctor of Philosophy, University of Toronto, Canada.
- [7] Tiina W, (2020). *Studying Native North American Literature: Nature/ Land Relationships and Native (Ojibwe) Ecologue in Louise Erdrich’s Birchbark House Series*, Doctoral Dissertation, University of Helsinki, Metsätalo.
- [8] Xiaofang S, (2021). Resuming Gynocratic Principles: Cultural Reterritorialization of Native Traditions in Linda Hogan’s Fiction. *English Language and Literature Studies*; Published by Canadian Center of Science and Education, Vol. 11(4), 36-42. DOI:10.5539/ells.v11n4p36.
- [9] NTD Linh, (2017). Chuyến du hành giữa Miền Rừng và Phố Thị: Hình ảnh sinh thái trong *Những giấc mơ màu hạt dẻ* của Hoàng A Sáng. *Phê bình sinh thái: Tiếng nói bản địa - Tiếng nói toàn cầu*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, NXB Khoa học Xã hội.

- [10] Dreese DN, (1999). *Mapping the Terrains: Mythic, Psychic, and Environmental Reterritorializations of Self and Place in Contemporary American Poetry and Prose*. A Dissertation Submitted to the Graduate School and Research in Partial Fulfillment of the Requirements for the Degree Doctor of Philosophy. Indiana University of Pennsylvania.
- [11] NTT Kế, (2011). *Dặm ngàn hương cốm Mẹ*. NXB Phụ nữ.
- [12] TM Hằng, (2006), Làng nghề truyền thống với việc bảo tồn các giá trị văn hóa nghề. *Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 4.2006, 59-64.
- [13] Anthony R, (1988). Female Roles in Pre-colonial Southeast Asia. *Modern Asian Studies* 22, 3. Cambridge University Press, 629-645.
- [14] Pulitano E, (2003). *Toward a Native American Critical Theory*. Lincoln: University of Nebraska Press.
- [15] Thiều NQ, (2012). *Có một kẻ rời bỏ thành phố*. NXB Hội Nhà văn.
- [16] Wolters OW, (1999). *History, Culture, and Region in Southeast Asia*. Ithaca NY: Cornell University.
- [17] Đảng Cộng sản Việt Nam, (1977). *Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng tại Đại hội IV*, Nxb Sự thật.